# **BÀI 4\_THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

# **NGHĨA CỦA MỘT SỐ TỪ THÀNH NGỮ HÁN VIỆT**

# **(30 CÂU)**

### **A. TRẮC NGHIỆM**

#### **I. NHẬN BIẾT (15 CÂU)**

**Câu 1:** Thế nào là thành ngữ?

A. Là tập hợp các từ không đổi, không thể giải thích đơn giản qua nghĩa của các từ tạo nên nó

B. Là tập hợp của các từ không đổi

C. Là tập hợp các từ không đổi, không thể giải thích nghĩa

D. Là tập hợp các từ không có nghĩa

**Câu 2:** Trong các câu sau, câu nào là thành ngữ?

A. Nhà nước

B. Mở một khoa

C. Miệng thét loa

D. Ngoảnh cổ

**Câu 3:** Có mấy loại thành ngữ?

A. 8

B. 9

C. 10

D. Rất nhiều, không đếm được

**Câu 4:** Trong các câu sau, câu nào là thành ngữ?

A. Mụ đầm ra

B. Váy lê quét đất

C. Nào ai đó

D. Cảnh nước nhà

**Câu 5:** Trong các câu sau, câu nào là thành ngữ?

A. Có máu mặt

B. Trường thọ

C. Hay ăn quà

D. Tính cộc cằn

**Câu 6:** Trong các câu sau, câu nào là thành ngữ?

A. Chết ngay lập tức

B. Chết tươi

C. Chết nhăn răng

D. Chết già

**Câu 7:** Từ “gian” có yếu tố Hán Việt tương ứng là?

A. Gian nan

B. Ăn gian nói dối

C. Gian lao

D. Gian khổ

**Câu 8:** Câu nào có yếu tố Hán Việt cùng nghĩa?

A. Nam sinh, nam quyền, nam phong

B. Kim chỉ nam, nam sinh

C. Kim chỉ nam, nam phong

D. Nam sinh, nam quyền, nam tính

**Câu 9:** Kim chỉ nam nghĩa là gì?

A. Nói về kim chỉ

B. Chỉ người tên Nam

C. Chỉ lối đi

D. Chỉ phương hướng

**Câu 10:** Nam quyền là gì?

A. Quyền hạn của phái nam

B. Quyền của người tên Nam

C. Phái nam luôn có quyền làm tất cả

D. Quyền tự quyết của phái nam

**Câu 11:** Nam phong là gì?

A. Gió ở hướng Bắc

B. Gió ở hướng Nam

C. Gió ở hướng Tây

D. Gió ở hướng Đông

**Câu 12:** Nam sinh là gì?

A. Chỉ những người được sinh ra

B. Chỉ những sinh viên là nữ

C. Chỉ những sinh viên là nam

D. Chỉ những ai sinh ra có giới tính nam

**Câu 13:** Khi sử dụng các từ Hán Việt cần lưu ý điều gì?

A. Đồng âm

B. Đồng nghĩa

C. Từ láy

D. Từ địa phương

**Câu 14:** Hiện tượng các từ cùng âm trong từ Hán Việt thường có

A. Nghĩa khác nhau, có liên quan đến nhau

B. Nghĩa không khác nhau, không liên quan đến nhau

C. Nghĩa khác nhau, có liên quan đến nhau

D. Nghĩa khác nhau, không liên quan đến nhau

**Câu 15:** Dĩ hòa vi quý là gì?

A. Giảng hòa với mọi người

B. Hòa nhã, hòa đồng với mọi người

C. Làm hòa với mọi người

D. Hòa hoãn với mọi người

#### **II. THÔNG HIỂU (10 CÂU)**

**Câu 1:** Cấu tạo của thành ngữ dựa vào những yếu tố nào?

A. Số lượng thành tố

B. Kết cấu ngữ pháp

C. Số từ trong câu

D. Số lượng thành tố và kết cấu ngữ pháp

**Câu 2:** Trong số lượng thành tố thì có những yếu tố nào?

A. Thành ngữ kết cấu 3 tiếng, thành ngữ kết cấu 4 từ đơn hay 2 từ ghép liên hợp theo kiểu nối tiếp hay xen kẽ

B. Thành ngữ kết cấu 3 tiếng

C. Thành ngữ kết cấu 4 từ đơn hay 2 từ ghép liên hợp theo kiểu nối tiếp hay xen kẽ

D. Thành ngữ kết cấu 4 tiếng

**Câu 3:** Đâu là thành ngữ có sự kết hợp của một từ đơn và một từ ghép

A. Trời trong xanh

B. Ác như Hùm

C. Có máu mặt

D. Bé hạt tiêu

**Câu 4:** Đâu là thành ngữ **không** có sự kết hợp giữa một từ đơn và một từ ghép

A. Bé hạt tiêu

B. Bụng bảo dạ

C. Chết nhăn răng

D. Cá cắn câu

**Câu 5:** Đâu là thành ngữ có bốn từ đơn hay hai từ ghép liên hợp

A. Ăn uống ngủ nghỉ

B. Bán vợ đợ con

C. Ăn chơi hết mình

D. Ăn dầm nằm dề

**Câu 6:** Câu nào **không** phải là thành ngữ có 4 từ đơn hay 2 từ ghép liên hợp

A. Ăn nói bộp chộp

B. Bảng vàng bia đá

C. Phong ba bão táp

D. Ăn to nói lớn

**Câu 7:** Câu nào là thành ngữ có láy ghép?

A. Ăn bớt ăn xén

B. Ác giả ác báo

C. Ăn nên làm ra

D. Ác giả ác báo

**Câu 8:** Dựa vào kết cấu ngữ pháp thì có những yếu tố nào?

A. Câu có kết cấu CN-VN

B. Câu có kết cấu c-v, v-c

C. Câu có kết cấu CN-VN, câu có kết cấu c-v, v-c

D. Câu sai ngữ pháp

**Câu 9:** Thành ngữ có đặc điểm gì

A. Có tính hình tượng

B. Có tính khái quát

C. Có tính hàm súc

D. Có tính hình tượng, khái quát, hàm súc, dựa trên các hình ảnh cụ thể

**Câu 10:** Tác dụng của thành ngữ

A. Bày tỏ tình cảm

B. Bày tỏ, bộc lộ tâm tư, tình cảm của người nói, người viết

C. Bộc lộ cảm xúc

D. Thể hiện thái độ

#### **III. VẬN DỤNG (3 CÂU)**

**Câu 1:** Thành ngữ nào sau đây có trong bài “thương vợ” của Tế Xương

A. Làm lụng quanh năm

B. Bán mặt cho đất, bán lưng cho trời

C. Lặn lội thân cò

D. Làm ăn thất bại

**Câu 2:** Nhận định nào sau đây là đúng?

A. Tục ngữ biểu thị một ý nghĩa trọn vẹn còn thành ngữ lại mang tính biểu tượng, bóng bẩy

B. Tục ngữ mang lại những kinh nghiệm còn thành ngữ thì không

C. Tục ngữ mang nhiều ý nghĩa sâu xa hơn thành ngữ

D. Tục ngữ và thành ngữ hoàn toàn giống nhau

**Câu 3:** Câu nào dưới đây là thành ngữ?

A. Một mình một kiểu

B. Một duyên, hai nợ

C. Một mảnh tình

D. Một mảnh vải

#### **IV. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)**

**Câu 1:** Nhận định nào sau đây là đúng?

1. Thành ngữ là một sản phẩm của văn hóa dân gian
2. Thành ngữ không phải sản phẩm của văn hóa dân gian
3. Thành ngữ chỉ đơn thuần phản ánh lại đời sống cha ông
4. Thành ngữ chỉ là câu nói vu vơ

**Câu 2:** Nhận định nào sau đây là đúng?

A. Thành ngữ được lồng vào lời nói còn tục ngữ thì đứng một mình

B. Thành ngữ chỉ đứng một mình

C. Thành ngữ không được thêm vào lời nói

D. Tục ngữ thường được thêm vào lời nói

### **B. ĐÁP ÁN**

#### **I. NHẬN BIẾT (10 CÂU)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. A** | **2. C** | **3. D**  | **4. B** | **5. A** | **6. C** | **7. B** | **8. D** | **9. D** | **10. A** |

#### **II. THÔNG HIỂU (10 CÂU)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. D** | **2. A** | **3. C** | **4. B** | **5. B** | **6. A** | **7. A** | **8. C** | **9. D** | **10. B** |

#### **III. VẬN DỤNG (3 CÂU)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. C** | **2. A** | **3. B**  |

#### **IV. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. A** | **2. A** |